

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chương trình hành động số 899/CTr-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh, về triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 20/01/2022 Hội nghị lần thứ Năm Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Kế hoạch số 93-KH/HU ngày 23/3/2022 của Huyện ủy Đak Đoa, thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 20/01/2022 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030.

Căn cứ Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 02/12/2022 của UBND huyện Đak Đoa về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 20/01/2022 Hội nghị lần thứ Năm Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030.

UBND xã xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:

1. Mục đích:

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030. Nắm rõ quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đồng bộ, kịp thời và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của người đứng đầu hệ thống chính trị trong triển khai Nghị quyết đảm bảo thống nhất, đồng bộ. Nêu cao vai trò các cấp, hệ thống chính trị cơ sở từ xã đến thôn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng; Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu của xã.

2. Yêu cầu:

Việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch phải đảm bảo đầy đủ các nội dung, nhiệm vụ gắn với tình hình thực tế địa phương; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình và tiến độ thực hiện.

Việc triển khai các chỉ tiêu nhiệm vụ phải được thực hiện liên tục và đồng bộ từ chỉ đạo của cấp xã đến thôn với sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền, mặt trận và hội, đoàn thể, xã, các thôn trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Tổ chức kiểm tra, theo dõi, giám sát thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đảm bảo hiệu quả, thường xuyên; đôn đốc, hướng dẫn các thôn thực hiện các chỉ tiêu cấp trên giao.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ:

1.1 Nhóm nhiệm vụ phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, vai trò trách nhiệm của cán bộ đảng viên và nhân dân trong công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

Phân định ranh giới, tổ chức quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có, đặc biệt là rừng tự nhiên. Rà soát, điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế về điều kiện đất đai, khí hậu và tài nguyên rừng; xây dựng vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến và phát triển hệ thống rừng trồng gỗ lớn có năng suất và chất lượng cao.

Tiếp tục thực hiện nghiêm chủ trương quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên đến năm 2030, không để khai thác gỗ rừng tự nhiên.

Nâng tỷ lệ che phủ của rừng đến năm 2025 đạt 20%; đến năm 2030 đạt 30% (bao gồm cả cây công nghiệp thân gỗ, cây trồng đa mục đích).

Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên đến năm 2030 đạt 50 ha, bình quân 5 ha/năm, cụ thể: giai đoạn 2021- 2025 đạt 30 ha; giai đoạn 2026 - 2030 đạt 20 ha.

Công tác trồng rừng đến năm 2025 đạt 100 ha, trong đó ít nhất 15 ha rừng gỗ lớn, chuyển hóa 15 ha rừng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn. Đến năm 2030, tiếp tục trồng rừng mới và trồng rừng luân canh 200 ha trong đó ít nhất 30 ha rừng gỗ lớn, tiếp tục chuyển hóa 15ha rừng gỗ nhỏ thành rừng gỗ lớn. Thực hiện Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh của Thủ tướng Chính phủ, đến năm 2030 cả xã trồng 1000 nghìn cây xanh, trong đó 800 nghìn cây trồng phân tán ở ngoài quy hoạch và 200 nghìn cây xanh trồng tập trung trong rừng sản xuất.

Thực hiện cập nhật theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp theo quy định Thông tư số 33/2018/TT-BNN ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.

1.2 Nhóm nhiệm vụ tăng cường sinh kế và ứng dụng khoa học công nghệ.

Thực hiện giao đất, giao rừng đối với diện tích 1.721,15 ha đất, rừng trong quy hoạch lâm nghiệp hiện do UBND cấp xã quản lý. Đến năm 2030, cơ bản đảm bảo 100% diện tích rừng có chủ quản lý thực sự.

Nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, năng suất và hiệu quả rừng trồng; tăng

cường trồng rừng các loài cây giá trị kinh tế cao gắn với các hệ thống nông lâm kết hợp.

Kêu gọi đầu tư, hỗ trợ phát triển, xây dựng cơ sở lâm nghiệp gắn với sản xuất lâm nghiệp, các loại hình dịch vụ môi trường rừng, phát triển du lịch sinh thái và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương đồng bộ với hạ tầng nông thôn.

Triển khai hiệu quả các cơ chế chính sách nhằm tăng cường sinh kế hộ cá thể; xây dựng các mô hình nông lâm kết hợp trồng rừng gỗ lớn, cây bản địa kết hợp trồng xen các loài cây ngắn ngày trong những năm đầu khi rừng chưa khép tán; kết hợp chăn nuôi gia súc, trồng cây dược liệu dưới tán rừng.

Thực hiện giao đất, giao rừng gắn với bảo vệ và phát triển rừng, nuôi trồng dược liệu dưới tán rừng, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

Kêu gọi đầu tư, đẩy mạnh việc triển khai sản xuất nông, lâm nghiệp dưới tán rừng, trong đó chú trọng việc bảo tồn và phát triển cây dược liệu, phấn đấu đến năm 2025 trồng được 5 ha, đến năm 2030 trồng được 30 ha dược liệu dưới tán rừng.

Thực hiện chuyển đổi dần cơ cấu cây trồng từ cây nông nghiệp ngắn ngày sang trồng rừng và sản xuất nông lâm kết hợp với cây trồng chính là cây lâm nghiệp trên quỹ đất quy hoạch lâm nghiệp hiện người dân đang chiêm canh, canh tác, sử dụng trái với quy hoạch lâm nghiệp.

2. Giải pháp thực hiện:

2.1 Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền:

Nghiêm túc quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh, của huyện về bảo vệ và phát triển rừng, phát triển lâm nghiệp bền vững, nhất là Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư và Chương trình hành động số 38-CTr/TU ngày 29/03/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, Kế hoạch số 185/KH-UBND ngày 02/12/2022 của UBND huyện Đak Đoa về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 20/01/2022 Hội nghị lần thứ Năm Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030.

Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của công tác quản lý rừng, đất lâm nghiệp trên địa bàn để tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả theo định hướng phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững. Nâng cao trách nhiệm, tính chủ động của người đứng đầu với công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ quản lý bảo vệ rừng, công tác giao đất, giao rừng, quản lý rừng bền vững; gắn mục tiêu trồng rừng, trồng cây phân tán, vào kế hoạch phát triển lâm nghiệp hằng năm của xã.

2.2 Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật:

Tăng cường công tác truyền thông về vai trò, giá trị kinh tế, xã hội, môi trường, bảo vệ quốc phòng và an ninh liên quan đến công tác bảo vệ và phát triển lâm nghiệp; triển khai hiệu quả các chương trình giáo dục, phổ biến pháp luật về lâm nghiệp cho người dân, nâng cao ý thức xã hội về quản lý bảo vệ rừng, phòng

cháy chữa cháy rừng, phòng chống chặt, phá rừng trái pháp luật; nâng cao nhận thức về phát triển rừng bền vững, rừng gỗ lớn có năng suất, chất lượng cao, sử dụng lâm sản có nguồn gốc hợp pháp.

Tuyên truyền, vận động Nhân dân hưởng ứng, tham gia tích cực Chương trình trồng 1 tỷ cây xanh do Thủ tướng Chính phủ phát động, phấn đấu bình quân mỗi người dân hàng năm trồng 01 cây gỗ lớn; sử dụng có hiệu quả quỹ đất để trồng rừng, trồng cây phân tán, chuyển đổi cây trồng phù hợp với mục đích lâm nghiệp để nâng cao tỉ lệ che phủ rừng, góp phần giảm phát thải nhà kính, chống biến đổi khí hậu.

2.3 Về cơ chế chính sách:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương và của tỉnh, huyện về đầu tư, hỗ trợ các cá nhân đầu tư vào lĩnh vực quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính đề khuyến khích, hỗ trợ, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, khai thác tiềm năng, lợi thế về rừng và đất lâm nghiệp.

Đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng cơ chế, chính sách liên kết các hộ gia đình với doanh nghiệp trong việc tích tụ đất đai tạo ra vùng trồng nguyên liệu tập trung để có thể áp dụng được khoa học kỹ thuật tiên tiến tham gia vào chuỗi sản xuất, cung ứng ổn định, bền vững.

Đề xuất Trung ương, tỉnh ban hành, bổ sung, điều chỉnh các cơ chế, chính sách về chế độ cho lực lượng trực tiếp làm công tác quản lý bảo vệ rừng, đầu tư và hỗ trợ đầu tư bảo vệ phát triển rừng, phát triển được liệu dưới tán rừng.

2.4. Tăng cường quản lý và thực hiện quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp:

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, hoạt động quản lý bảo vệ rừng; quy định trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý, bảo vệ rừng.

Triển khai thực hiện kế hoạch về kết quả rà soát hiện trạng, điều chỉnh 3 loại rừng, gắn với quy hoạch lâm nghiệp của huyện và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Quản lý chặt diện tích rừng và đất lâm nghiệp. Ưu tiên triển khai phát triển các dự án lâm nghiệp trồng rừng, trồng dược liệu dưới tán rừng gắn với tạo việc làm, đảm bảo sinh kế cho người dân địa phương, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; bảo vệ và phát triển rừng, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng phá rừng làm nương rẫy.

Thực hiện giao đất, giao rừng cho cộng đồng dân cư đối với rừng tự nhiên, hộ gia đình, cá nhân đối với diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp hiện do ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, đảm bảo rừng có chủ thực sự. Tập trung kêu gọi đầu tư các dự án lâm nghiệp, tạo lập các vùng sản xuất lâm nghiệp tập trung, thuận lợi cho việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp; phát triển các mô hình nông, lâm kết hợp, phát triển dược liệu, chăn nuôi dưới tán rừng; kết hợp phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc để tạo ra giá trị kinh tế cao nhất.

Phát triển và nhân rộng các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị giữa người

trồng rừng và doanh nghiệp chế biến thông qua các hợp tác xã, tổ hợp tác; mô hình nông, lâm kết hợp, trồng rừng gỗ lớn, cây dược liệu giá trị cao; phát triển vùng nguyên liệu gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

2.5. Về huy động và phát triển nguồn nhân lực:

Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo nghề cho lao động làm nghề rừng; gắn đào tạo nghề với các mô hình sản xuất nhằm giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng thu hút lao động vào lĩnh vực sản xuất lâm nghiệp và chế biến lâm sản.

Huy động các nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Đề án về đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư cho phát triển nông nghiệp, và du lịch để thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ, phát triển rừng.

Hàng năm bố trí kinh phí hợp lý từ ngân sách nhà nước, các nguồn vốn đầu tư để chi cho các hoạt động phát triển lâm nghiệp và thực hiện các cơ chế, chính sách lâm nghiệp trên địa bàn.

Thực hiện xã hội hóa, đa dạng hóa trong huy động các nguồn vốn để triển khai thực hiện Nghị quyết; huy động đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

2. 6 Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng:

Tăng cường công tác kiểm tra, điều tra, xử lý vi phạm lâm nghiệp, ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả các hành vi vi phạm ngay tại gốc, nhất là tại các vùng giáp ranh với các xã lân cận. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Công chức Địa chính – Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với Kiểm lâm địa bàn tham mưu UBND xã chỉ đạo triển khai các nội dung cụ thể theo các quan điểm, định hướng và mục tiêu Nghị quyết, Kế hoạch; phối hợp với các thôn tổ chức triển khai hiệu quả Nghị quyết với lộ trình, bước đi phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

Tham mưu xây dựng và thực hiện kế hoạch giao đất, giao rừng cho cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân trên diện tích quy hoạch lâm nghiệp hiện do UBND cấp xã quản lý.

Tham mưu UBND xã đề xuất thu hồi diện tích đất không thuộc quy hoạch 3 loại rừng của chủ rừng giao lại cho địa phương quản lý, sử dụng đúng mục đích. Kê khai, thu hồi diện tích đất lâm nghiệp bị lấn chiếm để chuyển đổi sử dụng đúng mục đích lâm nghiệp.

Tham mưu UBND xã đề nghị cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, theo chuỗi giá trị, tạo công ăn, việc làm, nâng cao thu nhập của người dân tham gia trồng rừng.

Thực hiện việc tổng hợp, tham mưu đánh giá quá trình triển khai rút kinh nghiệm hàng năm, giữa kỳ và cuối kỳ thực hiện kế hoạch này.

2. Kiểm Lâm địa bàn:

Chủ trì tham mưu UBND xã về công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn đảm bảo thực hiện nghiêm minh, đúng quy định của pháp luật.

Xây dựng kế hoạch quản lý cho các hoạt động, tạo dựng cơ chế phối hợp cho các bên liên quan đến bảo tồn, quản lý và phát triển rừng bền vững.

Thường xuyên kiểm tra, điều tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực lâm nghiệp, ngăn chặn kịp thời, có hiệu quả các hành vi vi phạm ngay tại gốc, nhất là tại các vùng giáp ranh, khu vực, địa bàn còn nhiều tài nguyên rừng, nhiều loại gỗ.

Chủ trì phối hợp với công an, Ban chỉ huy quân sự xã trong phòng ngừa, đấu tranh với các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp.

3. Công chức Tài chính – Kế toán:

Tham mưu UBND xã triển khai các cơ chế, chính sách đầu tư phát triển lâm nghiệp theo chức năng nhiệm vụ; cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ để phát triển lâm nghiệp theo kế hoạch.

Rà soát, tham mưu UBND xã bổ sung danh mục dự án kêu gọi đầu tư đối với lĩnh vực lâm nghiệp, phát triển được liệu dưới tán rừng.

4. Công chức Văn hóa - Thông tin:

Phối hợp với các thành phần có liên quan, đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, kêu gọi đầu tư phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, có sự tham gia của cộng đồng trên địa bàn xã.

Tham mưu UBND xã định hướng tuyên truyền các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, của huyện, xã hướng dẫn triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng tại địa phương.

Tham mưu quảng bá hình ảnh, việc làm tốt, có hiệu quả trong công tác phát triển lâm nghiệp. Xây dựng và phát các bản tin chuyên đề về công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng; thông tin kịp thời và đầy đủ bản tin dự báo nguy cơ cháy rừng và các vụ cháy rừng trên địa bàn xã đến người dân.

5. Đề nghị ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các hội, đoàn thể xã:

Tăng cường vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn xã trong việc thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội và phát huy vai trò của mọi tầng lớp nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Phối hợp với UBND xã tổ chức thực hiện Kế hoạch; vận động, tuyên truyền, chỉ đạo các thành viên trong Hội, tổ chức tham gia công tác khuyến lâm cùng với nông dân, hội viên sống gần rừng tích cực tham gia trồng, bảo vệ rừng; xây dựng các mô hình điểm về kinh tế lâm nghiệp, trồng rừng và bảo vệ rừng.

6. Ban nhân dân, cộng đồng dân cư các thôn làng:

Bảo vệ và phát triển vốn rừng hiện có, chăm sóc sử dụng rừng trồng có hiệu quả. Quản lý nguồn tài nguyên được giao theo đúng quy định pháp luật.

Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp (giao đất, giao rừng) tiến hành xây dựng phương án, kế hoạch và tổ chức thực hiện việc quản lý rừng bền vững.

Trên đây là Kế hoạch Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển lâm nghiệp

theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030 của UBND xã Kon Gang./.

Nơi nhận:

- Phòng NN&PTNT;
- Hạt Kiểm lâm huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND xã;
- Mặt trận và các hội, đoàn thể xã;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thành